

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 236/2020/DS-ST

Ngày: 15/12/2020

V/v Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TRUNG TÍNH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **VÕ VĂN CƯỜNG**

2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN CHIẾN CÔNG** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 269/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ MỸ L**, Sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp HH, xã HT, huyện CB, tỉnh TG.

* Bị đơn: Ông **TRƯƠNG VĂN N**, Sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp MT B, xã HMT, huyện CB, tỉnh TG.

(Chị L có mặt, ông N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai và các ý kiến trình bày tại phiên tòa, phía nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:*

Vào ngày 18/3/2020 ông N có vay số tiền của chị là 130.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất là 1,5 %/tháng, thời hạn vay không xác định, khi nào chị cần thì thông báo trước cho ông N, ông sẽ hoàn trả lại cho chị, khi vay tiền ông N nên có làm biên nhận nợ. Từ lúc vay ông N có đóng lãi được đến tháng 7 năm 2020 thì ngưng, chị nhiều lần yêu cầu ông trả tiền vốn nhưng ông hên lần hên lượt đến nay không trả.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn N phải trả số tiền nợ là 130.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất trên phần nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 18/8/2020 đến ngày xét xử, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại tờ tự khai phía bị đơn ông Trương Văn N trình bày:*

Nguyên ông có vay tiền của chị L là 130.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay chị L khởi kiện ông, ông cũng thống nhất đồng ý trả theo yêu cầu của chị nhưng xin được trả dần, vì hiện nay ông không có khả năng trả một lần do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn trong làm ăn, ông xin miễn trả lãi.

Tại phiên tòa chị L yêu cầu ông N nên có trách nhiệm trả số tiền nợ là 130.000.000 đồng, thực hiện trả làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị L xin rút lại yêu cầu tính lãi suất trên phần nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 18/8/2020 đến ngày xét xử. Còn ông N có đơn xin giải quyết - xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng :

- Ông Trương Văn N có đơn xin giải quyết và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông, căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông N là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn N là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại các điều 463, 466 và 469 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung vụ kiện :

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và ông Trương Văn N đều thống nhất xác định ông N có vay của chị L số tiền 130.000.000 đồng và có làm biên nhận nợ theo như chị L trình bày là đúng. Tại phiên tòa, chị L yêu cầu ông N có trách nhiệm hoàn trả lại phần tiền nợ vay là 130.000.000 đồng làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, chị xin rút lại yêu cầu tính lãi suất trên phần nợ gốc theo quy định pháp luật từ ngày 18/8/2020 đến ngày xét xử, còn phía ông N vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên theo tờ tự khai ông N cung cấp cho Tòa án, ông cũng thống nhất đồng ý trả cho chị L số tiền nợ là 130.000.000 đồng nhưng ông xin trả dần, không có khả năng trả một lần, xin miễn trả lãi theo yêu cầu của chị L.

Hội đồng xét xử xét thấy ông N thừa nhận có nợ chị L số tiền là 130.000.000 đồng nhưng cho đến nay chưa thanh toán cho chị L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Phía ông N xin trả dần cho đến khi xong nợ, hiện tại chưa có khả năng trả một lần, nhận thấy yêu cầu này của ông N là nhằm kéo dài thời gian trả nợ gây thiệt hại quyền lợi cho phía chị L và không

được phía chị L đồng ý nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của phía ông N. Xét yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật trên phần nợ gốc từ ngày 18/8/2020 đến ngày xét xử. Xét thấy đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn phù hợp theo quy định pháp luật nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí:

Ông N có trách nhiệm trả nợ cho chị L nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 228, 217, 235, 243, 244, 266, 267 và 271 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các điều 463, 466, 469, 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc ông Trương Văn N có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ L số tiền là 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu đồng).

- Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ L về việc yêu cầu ông Trương Văn N trả phần tiền lãi theo quy định pháp luật trên phần nợ 130.000.000 đồng (lãi tính từ ngày 18/8/2020 đến ngày 15/12/2020).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông N chậm thi hành đối với phần tiền nợ nêu trên thì còn phải chịu thêm tiền lãi suất theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 điều 468 của bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

* Về án phí:

+ Ông Trương Văn N phải chịu 6.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Mỹ L 3.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004355 ngày 11/11/2020 của chi cục Thi hành án dân sự huyện CB.

* Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi Tòa án tổng

đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh TG xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TRUNG TÍNH